TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 508/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 28 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 351/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trương Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 11/55 Đ D A, phường T L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Hồ Thị Trà M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu tái định cư xóm G, phường A T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P B(nay là phường T L), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20/12/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh T tại 11/55 Đ D A, phường T L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến gây gỗ, cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 11/2022, chị M đem con bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh T và chị M cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M xác nhận có 01 con chung là cháu Trương Minh Bảo Ng, sinh ngày 02/5/2020. Hai bên thỏa thuận giao cháu Trương Minh Bảo Ng cho chị Hồ Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Ngọc trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trương Minh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai

triệu đồng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngọc trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[3] Về tài sản chung: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M mỗi bên phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh T, chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005913 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T, chị M đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M xác nhận có 01 con chung là cháu Trương Minh Bảo Ng, sinh ngày 02/5/2020. Hai bên thỏa thuận giao cháu Trương Minh Bảo Ng cho chị Hồ Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Ngọc trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trương Minh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngọc trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Trương Minh T và chị Hồ Thị Trà M mỗi bên phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh T, chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005913 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh T, chị M đã nộp đủ, nay không phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường T L
(cũ là phường P B, TP H
(ĐKKH số 67/2019 ngày 20/12/2019);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Dũng